|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

**DANH MỤC, NỘI DUNG, QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH   
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| **Số TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa | Trồng trọt | Mới ban hành |
| 2 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | Phòng, chống thiên tai | Giữ nguyên |
| 3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh | Phòng, chống thiên tai | Giữ nguyên |
| 4 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | Phòng, chống thiên tai | Giữ nguyên |
| 5 | Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC |
| 6 | Bố trí, ổn định dân cư trong huyện | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC |
| 7 | Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC |

**PHẦN II**

**NỘI DUNG, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH   
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình 01:** | **THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA** |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm, nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.  - Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.  - Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức, hộ gia đình, cá nhâncó thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).  **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:**   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 05 ngày làm việc** | | --- | --- | --- | --- | | 1 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung;  - Nếu hồ sơ đầy đủviết phiếu hẹn trao cho người nộp.Nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến.  - C**huyển** hồ sơ**cho bộ phận** chuyên mônthuộc UBND cấp xã tham mưu xử lý theo quy định. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày  làm việc | | 2 | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, vào sổ theo dõi.  - Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, Bộ phận chuyên môn phải hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.  - Xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện, trình Lãnh đạo UBND cấp xã có ý kiến. | Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 02 ngày  làm việc | | 3 | - Trường hợp đồng ý: Khi Bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của UBND cấp xã. UBND cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất.  - Trường hợp không đồng ý: UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.  - Chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. | Lãnh đạo UBND cấp xã | 02 ngày làm việc | | 4 | **Trả kết quả cho người nộp hồ sơ (theo yêu cầu).**  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc |   **\* Sơ đồ quy trình:**  Công chức Bộ phận TN và TKQ (0,5 ngày làm việc)  (  Bộ phận chuyên môn cấp xã (02 ngày làm việc)  Lãnh đạo UBND cấp xã (02 ngày làm việc)  (  Công chức Bộ phận TN và TKQ (0,5 ngày làm việc)  ( |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;  - Nộp hồ sơ trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/ |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ bao gồm:  - Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.  b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 05ngàylàmviệc,kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp. |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Tổ chức, cá nhân |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | UBND cấp xã. |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Xác nhận của UBND cấp xã vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019.  - Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019. |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Người sử dụng đất được chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thuỷ sản nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:  - Có Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt;  - Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;  - Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng. |
| **11. Căn cứ pháp lý** | - Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.  - Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.  - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần**  **hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định; * Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; |
| **Thời gian lưu**  **và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại bộ phậnchuyên môn thuộc UBND cấp xã, thời gian lưu 01 năm. Sau đó chuyển hồ sơ cho bộ phận lưu trữ thuộc UBND cấp xã lưu trữ theo quy định hiện hành. |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----------------

*.... ngày ... tháng ... năm...*

**BẢN ĐĂNG KÝ**

**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA**

-------------------------

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn): …………………………….

1. Tên tổ chức hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: ...

2. Chức vụ người đại diện tổ chức:..................................................................................

3. Số CMND/Thẻ căn cước........................... Ngày cấp:................. Nơi cấp....................

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (tổ chức)...................... Ngày cấp: .... Nơi cấp................

4. Địa chỉ:.............................................. số điện thoại: ....................................................

5. Diện tích chuyển đổi ... (m2, ha), thuộc thửa đất số ..., tờ bản đồ số ……….khu vực, cánh đồng ………………………………………………………

6. Mục đích

a) Trồng cây hàng năm:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: tên cây trồng............................... , vụ........................

- Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: tên cây trồng.......................... , vụ........................

- Chuyển đổi từ đất lúa nương: tên cây trồng....................................................................

b) Trồng cây lâu năm:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: tên cây trồng............................... , năm.......................

- Chuyển đổi từ đất 2 – 3 vụ lúa/năm: tên cây trồng.......................... , năm......................

- Chuyển đổi từ đất lúa nương: tên cây trồng................................ , năm..........................

c) Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:

- Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản................................. năm......................

- Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Loại thủy sản.......................... , năm.....................

7. Cam kết thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi của địa phương; trường hợp làm hư hỏng hệ thống giao thông thủy lợi, giao thông nội đồng sẽ có biện pháp khắc phục kịp thời và bồi thường nếu ảnh hưởng xấu tới sản xuất lúa của các hộ ở khu vực liền kề; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND CẤP XÃ TIẾP NHẬN**  *(Ký, họ tên và đóng dấu)* | NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/  **HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**  *(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))* |

**Mẫu số 05.CĐ**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN (Cấp xã, phường, thị trấn)**  -------------  Số: ………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  -----------------  *..., ngày ... tháng ... năm….* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc không tiếp nhận**

**Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

-------------------

Căn cứ quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)......................... thông báo:

Không tiếp nhận đơn đăng ký chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa của ………..(họ, tên người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức);

Địa chỉ …………………………………………………………………………………

Lý do không tiếp nhận......................................................................................................

Yêu cầu ông/bà/tổ chức............................... thực hiện Thông báo này và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Người sử dụng đất;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  *(Ký, họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình 02:** | **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KÊ KHAI SỐ LƯỢNG CHĂN NUÔI TẬP TRUNG VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN BAN ĐẦU** |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã để được giải quyết theo quy định.  - Trường hợp hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sảncó nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà Hộ chăn nuôi có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.  - Ngoài 02 hình thức trên, hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sản có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).  **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:**  *\* Đối với hộ chăn nuôi tập trung:*   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 07 ngày làm việc** | | --- | --- | --- | --- | | 1 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủđề nghị người nộp bổ sung;  - Nếu hồ sơ đầy đủviết phiếu hẹn trao cho người nộp. Nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến.  - C**huyển** hồ sơ **cho bộ phận** chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu xử lý theo quy định. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày  làm việc | | 2 | Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, xem xét hồ sơ, vào sổ theo dõi; sau đó, thực hiện kiểm tra tại hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi tập trung; trình Lãnh đạo UBND cấp xã xác nhận. | Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 05 ngày  làm việc | | 3 | - Xác nhận kê khai số lượng chăn nuôi tập trung cho hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi tập trung.  - Chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. | Lãnh đao UBND cấp xã | 01 ngày làm việc | | 4 | **Trả kết quả cho người nộp hồ sơ (theo yêu cầu).**  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sản khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc |   **\* Sơ đồ quy trình:**  Công chức tại Bộ phận Bộ phận TN&TKQ (0,5 ngày làm việc)  (  Công chức bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã  (05 ngày làm việc)  Lãnh đạo UBND cấp xã  (01 ngày làm việc)  (  Công chức Bộ phận TN&TKQ  (0,5 ngày làm việc)  *\* Đối với hộ nuôi trồng thủy sản:* Thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng. |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;  - Nộp hồ sơ trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/ |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ bao gồm:  - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo Mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.  b) Số lượng hồ sơ: không quy định. |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | - 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với xác nhận kê khai ban đầu của hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi tập trung.  - Được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng đối với hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản. |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Hộ chăn nuôi tập trung, hộ nuôi trồng thủy sản |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | UBND cấp xã. |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Xác nhận của UBND cấp xã vào bản kê khai. |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo Mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP. |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi.  - Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai ngay khi thực hiện nuôi trồng. |
| **11. Căn cứ pháp lý** | - Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần**  **hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ TTHC quy định; * Kết quả giải quyết TTHC; |
| **Thời gian lưu**  **và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, thời gian lưu 01 năm. Sau đó chuyển hồ sơ cho bộ phận lưu trữ thuộc UBND cấp xã lưu trữ theo quy định hiện hành. |

**Mẫu số 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn …………………..

Họ, tên chủ cơ sở: …………………………………………………………........

Địa chỉ liên hệ: …………………………………………………………………

Số điện thoại: ………………., Fax: ………..Email (nếu có): ............................

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng nuôi** | **Địa điểm** | **Diện tích nuôi (m2)** | **Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)** | **Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)** | **Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)** | **Sản lượng dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |  |

Những vấn đề khác: ……………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày ……. tháng ……. năm………* **Xác nhận của UBND cấp xã** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm……* **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

*…………, ngày ……. tháng ……. năm ………***Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình 03:** | **THỦ TỤCHỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO DỊCH BỆNH** |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Khi bị thiệt hại, hộsản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã để được giải quyết theo quy định.  - Trường hợp hộsản xuất có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà hộ sản xuất có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.  - Ngoài 02 hình thức trên, hộsản xuất có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).  **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:**   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 15 ngày làm việc** | | --- | --- | --- | --- | | 1 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:  -Nếu hồ sơ chưa đầy đủđề nghị người nộp bổ sung;  - Nếu hồ sơ đầy đủviết phiếu hẹn trao cho người nộp.Nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến.  - C**huyển** hồ sơ **cho bộ phận** chuyên môn thuộc UBND cấp xã tham mưu xử lý theo quy định. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quảUBND cấp xã | 0,5 ngày  làm việc | | 2 | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, xem xét hồ sơ, vào sổ theo dõi; sau đó, tham mưu lãnh đạo UBND cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của hộ sản xuất.  -Tham mưu lãnh đạo UBND cấp xã tổng hợp báo cáo lên UBND cấp huyện.  -Tham mưu lãnh đạo UBND cấp xã văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. | Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 13 ngày  làm việc | | 3 | - Ký xác nhận Báo cáo tổng hợp trình UBND cấp huyện.  - Ký xác nhận văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh.  - Chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. | Lãnh đạo UBND cấp xã | 01 ngày làm việc | | 4 | **Trả kết quả cho người nộp hồ sơ (theo yêu cầu).**  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, hộ sản xuất khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quảUBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc |   **\* Sơ đồ quy trình:**  Công chức tại Bộ phận Bộ phận TN&TKQ (0,5 ngày làm việc)  (  Công chức bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã  (13 ngày làm việc)  Lãnh đạo UBND cấp xã  (01 ngày làm việc)  (  Công chức Bộ phận TN&TKQ  (0,5 ngày làm việc) |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;  - Nộp hồ sơ trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/ |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ bao gồm:  - Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.  - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).  - Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.  - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)  b) Số lượng hồ sơ: không quy định. |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | - 15 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | UBND cấp xã |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng. |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.  - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã). |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.  - Có đăng ký kê khai ban đầu được UBND cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).  - Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.  - Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch. |
| **11.Căncứ pháp lý** | - Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần**  **hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định; * Kết quả giải quyết TTHC. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, thời gian lưu 01 năm. Sau đó chuyển hồ sơ cho bộ phận lưu trữ thuộc UBND cấp xã lưu trữ theo quy định hiện hành. |

**Mẫu số 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh: ………………………………………………………...

1. Đối tượng: ……………………………………………………………….…..

Thời điểm gieo, trồng: ……………………………………………...…………..

Diện tích thiệt hại: ………………………………. ha.

Vị trí đất gieo, trồng: ……………………………………………………...……

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………. ha.

2. Đối tượng: ……………………………………………………………….…..

Thời điểm gieo, trồng: ……………………………………………...…………..

Diện tích thiệt hại: ………………………………. ha.

Vị trí đất gieo, trồng: ……………………………………………………...……

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………. ha.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): …………………………………………………

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: ……………………………..……. Tuổi rừng: ………………

Thời điểm trồng: ……………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ………………………ha.

Vị trí trồng rừng: ………………………………………………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………….ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí: …………………………………………………………………………..

Thời điểm trồng: ………………………………………………………………..

Loài cây: ……………………………………………………………………..…

Số lượng thiệt hại: ……………………………. ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: …………………………. ha.

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng: ………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ……………………………ha.

Vị trí: ………………………………………………..…………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha.

Thiệt hại trên 70% là: ………………………..ha.

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng: ………………………………………………………….

Loại rừng giống: ………………………………………………………………

Diện tích thiệt hại: …………………………..ha.

Vị trí: …………………………………………………………………………...

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha.

Thiệt hại trên 70% là: ………………………..ha.

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí: ………………………………………..………………………………….

Thời điểm trồng: ……………………………………………………………….

Loài cây: ……………………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: …………………………ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………. ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………..ha.

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí: …………………………………………………………………………...

Loài cây: ………………………………………………………………………..

Số lượng thiệt hại: ………………………cây.

Hồ sơ lưu gồm có: …………………………………………………...…………

…………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………....………………………………………………………………………………………….......................................................................................................

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của ………………………………….

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ……………………………………………….................

Loài thủy sản nuôi: ……………………………………………………………..

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản: ……………………..ha.

Vị trí khu vực nuôi: …………………………………………………………….

Thời điểm thả giống: ……………………………………….…………………..

Số lượng giống thả nuôi: ………………… con, nguồn gốc: .…………………

Hồ sơ lưu về giống gồm có: ………………………………………...………….

Hình thức nuôi: ……………………………….………………………………..

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………….……ha hoặc ………………m3 lồng.

Thiệt hại trên 70% là: ………………...…ha hoặc …………………..m3 lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *……,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ……………………………………………….

1. Đối tượng nuôi 1: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

2. Đối tượng nuôi 2: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

3. Đối tượng nuôi 3: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

Hồ sơ lưu gồm có: ……………………………………………..……………….

…………………………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………….……………............................................................................................................

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của ……………………………………………………………………...

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai: …………………………..……………………………………….

Diện tích bị thiệt hại: ……………………………………….. ha.

Vị trí sản xuất muối: ……………………………………………………………

Thời điểm bắt đầu sản xuất: ………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ………………………………………. ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………………. ha.

Hồ sơ lưu gồm có: ……………………………………………..……………….

…………………………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………………………...

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………….………

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn …………………..

Họ, tên chủ cơ sở: …………………………………………………………........

Địa chỉ liên hệ: …………………………………………………………………

Số điện thoại: ………………., Fax: ………..Email (nếu có): ............................

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng nuôi** | **Địa điểm** | **Diện tích nuôi (m2)** | **Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)** | **Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)** | **Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)** | **Sản lượng dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |  |

Những vấn đề khác: ……………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày ……. tháng ……. năm………* **Xác nhận của UBND cấp xã** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm……* **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

*…………, ngày ……. tháng ……. năm ………***Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN …………….**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG**

(Từ ngày…..tháng...năm…. đến ngày....tháng …năm …..)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI HƠN 70%** | | | | | | | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI TỪ 30% - 70%** | | | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | | |
| **Lúathuần(ha)** | **Mạlúathuần(ha)** | **Lúalai(ha)** | **Mạ lúa lai (ha)** | **Ngô và rau màu (ha)** | **Câycôngnghiệp(ha)** | **Cây ăn quả lâu năm (ha)** | **Lúathuần(ha)** | **Mạ lúa thuần(ha)** | **Lúalai(ha)** | **Mạ lúa lai(ha)** | **Ngô và rau màu (ha)** | **Câycôngnghiệp(ha)** | **Câyănquảlâunăm(ha)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **THEO ĐỊA PHƯƠNG)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND………………** (Ký tên đóng dấu) |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

**Mẫu số 2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI HƠN 70%** | | | | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI TỪ 30% - 70%** | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | | | |
| **Diện tích cây rừng (ha)** | **Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)** | **Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)** | **Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)** | **Diện tích cây rừng (ha)** | **Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)** | **Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)** | | **Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| **(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)** | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  | | | | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND…………..** (Ký tên đóng dấu) | | | | | | |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

**Mẫu số 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN …………………..**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ NUÔI THỦY SẢN  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG** | | | | |
| **Tổng giá trị (thiệt hại (tr.đ)** | **Thiệt hại hơn 70%** | | | | | | | | | | | **Thiệt hại từ 30 - 70%** | | | | | | | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)** |
| **Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá truyền thống cá bản địa (ha)** | **Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)** | **Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m3)** | **Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m3)** | **Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)** | **Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá truyền thống, cá bản địa (ha)** | **Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)** | **Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m3)** | **Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m3)** | **Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
|  | TỔNG SỐ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| THEO ĐỊA PHƯƠNG) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND………….** (Ký tên đóng dấu) | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

**Mẫu số 4**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ CHĂN NUÔI  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm ……. đến ngày ….. tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)** | **Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)** | **Lợn đến 28 ngày tuổi (con)** | **Lợn trên 28 ngày tuổi (con)** | **Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)** | **Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)** | **Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)** | **Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)** | **Hươu, cừu, dê (con)** | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

**Mẫu số 5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN)****HỖ TRỢ SẢN XUẤT MUỐI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)** | **Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)** | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | |
| **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 6 | 7 | 8 | |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  | |  |  |  | |
| 1 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
| 2 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
| 3 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
|  | (CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG) |  |  |  | |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  | |
|  | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) | | | |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

**Mẫu số 6**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ……………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ****ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH (ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **Tổng số tiền hỗ trợ** | **Trong đó:** | | | | | | |
| **Giống cây trồng** | **Lâm nghiệp** | **Giống thủy, hải sản** | **Giống vật nuôi** | **Sản xuất muối** | **Ghi chú** | |
| **Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | (CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) | | |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương*

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình 04:** | **THỦ TỤC HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI** |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Khi bị thiệt hại, hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã.  - Trường hợp hộ sản xuất có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà hộ sản xuất có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.  - Ngoài 02 hình thức trên, hộ sản xuất có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>  **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).  **Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:**   | **STT** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian 15 ngày làm việc** | | --- | --- | --- | --- | | 1 | Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:  -Nếu hồ sơ chưa đầy đủđề nghị người nộp bổ sung;  - Nếu hồ sơ đầy đủviết phiếu hẹn trao cho người nộp. Nếu hồ sơ được nộp trực tuyến thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo quy trình trực tuyến.  - C**huyển** hồ sơ cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã tham mưu xử lý theo quy định. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc | | 2 | - Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.  - Báo cáo UBND cấp xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện. | Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã | 01  ngày làm việc | | 3 | - Tiếp nhận báo cáo từ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã.  - Tham mưu lãnh đạo UBND cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra với sự tham gia, phối hợp của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã để kiểm tra, xác nhận thiệt hại.  - Tham mưu lãnh đạo UBND cấp xã: Báo cáo UBND cấp huyện; trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. | Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 12  ngày làm việc | | 4 | - Ký Báo cáo tổng hợp trình UBND cấp huyện.  - Ký văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết cho hộ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai.  - Chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. | Lãnh đao UBND cấp xã | 01 ngày làm việc | | 5 | - Chuyển báo cáo UBND cấp huyện  **- Trả kết quả cho người nộp hồ sơ (theo yêu cầu).**  **Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, hộ sản xuất khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu. | Công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc | |
|  | **\* Sơ đồ quy trình:**  Công chức Bộ phận TN&TKQ  (0,5 ngày làm việc)  Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã(12 ngày làm việc)  Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã  (01 ngày làm việc)  Bộ phận TN&TKQ  (0,5 ngày làm việc)  Lãnh đạo UBND cấp xã  (01 ngày làm việc) |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;  - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;  - Nộp hồ sơ trực tuyến tại:  + Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>  + Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/ |
| **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ bao gồm:  - Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.  - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo Mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP  - Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.  - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)  b) Số lượng hồ sơ: không quy định |
| **4. Thời hạn giải quyết:** | Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | - Các hộ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai. |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | - UBND cấp xã. |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng. |
| **8. Phí, lệ phí:** | - Không. |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.  - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã) |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | - Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.  - Có đăng ký kê khai ban đầu được UBND cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).  - Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.  - Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận. |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC** | Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | * Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định; * Kết quả giải quyết TTHC. |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, thời gian lưu 01 năm. Sau đó chuyển hồ sơ cho bộ phận lưu trữ thuộc UBND cấp xã lưu trữ theo quy định hiện hành. |

**Mẫu số 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh: ………………………………………………………...

1. Đối tượng: ……………………………………………………………….…..

Thời điểm gieo, trồng: ……………………………………………...…………..

Diện tích thiệt hại: ………………………………. ha.

Vị trí đất gieo, trồng: ……………………………………………………...……

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………. ha.

2. Đối tượng: ……………………………………………………………….…..

Thời điểm gieo, trồng: ……………………………………………...…………..

Diện tích thiệt hại: ………………………………. ha.

Vị trí đất gieo, trồng: ……………………………………………………...……

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………. ha.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): …………………………………………………

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: ……………………………..……. Tuổi rừng: ………………

Thời điểm trồng: ……………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ………………………ha.

Vị trí trồng rừng: ………………………………………………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………ha

Thiệt hại trên 70% là: ………………….ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí: …………………………………………………………………………..

Thời điểm trồng: ………………………………………………………………..

Loài cây: ……………………………………………………………………..…

Số lượng thiệt hại: ……………………………. ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: …………………………. ha.

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng: ………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ……………………………ha.

Vị trí: ………………………………………………..…………………………

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha.

Thiệt hại trên 70% là: ………………………..ha.

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng: ………………………………………………………….

Loại rừng giống: ………………………………………………………………

Diện tích thiệt hại: …………………………..ha.

Vị trí: …………………………………………………………………………...

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………………..ha.

Thiệt hại trên 70% là: ………………………..ha.

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí: ………………………………………..………………………………….

Thời điểm trồng: ……………………………………………………………….

Loài cây: ……………………………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: …………………………ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………. ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………..ha.

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí: …………………………………………………………………………...

Loài cây: ………………………………………………………………………..

Số lượng thiệt hại: ………………………cây.

Hồ sơ lưu gồm có: …………………………………………………...…………

…………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………....………………………………………………………………………………………….......................................................................................................

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của ………………………………….

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ……………………………………………….................

Loài thủy sản nuôi: ……………………………………………………………..

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản: ……………………..ha.

Vị trí khu vực nuôi: …………………………………………………………….

Thời điểm thả giống: ……………………………………….…………………..

Số lượng giống thả nuôi: ………………… con, nguồn gốc: .…………………

Hồ sơ lưu về giống gồm có: ………………………………………...………….

Hình thức nuôi: ……………………………….………………………………..

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ……………….……ha hoặc ………………m3 lồng.

Thiệt hại trên 70% là: ………………...…ha hoặc …………………..m3 lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………………..

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *……,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai); - Ủy ban nhân dân xã, phường ….. (đối với dịch bệnh). |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): ……………………………………………….

1. Đối tượng nuôi 1: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

2. Đối tượng nuôi 2: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

3. Đối tượng nuôi 3: ……………………………. Tuổi vật nuôi: …………..…

Số lượng: …………………………….. con.

Hồ sơ lưu gồm có: ……………………………………………..……………….

…………………………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………….……………............................................................................................................

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của ……………………………………………………………………...

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... |

Tôi tên là: ……………………………………………………………………….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai: …………………………..……………………………………….

Diện tích bị thiệt hại: ……………………………………….. ha.

Vị trí sản xuất muối: ……………………………………………………………

Thời điểm bắt đầu sản xuất: ………………………………………………….

Diện tích thiệt hại: ………………………………………. ha.

Thiệt hại từ 30 - 70% là: …………………………………ha.

Thiệt hại trên 70% là: ……………………………………. ha.

Hồ sơ lưu gồm có: ……………………………………………..……………….

…………………………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………………………...

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của …………………………….………

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20………* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn …………………..

Họ, tên chủ cơ sở: …………………………………………………………........

Địa chỉ liên hệ: …………………………………………………………………

Số điện thoại: ………………., Fax: ………..Email (nếu có): ............................

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng nuôi** | **Địa điểm** | **Diện tích nuôi (m2)** | **Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)** | **Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)** | **Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)** | **Sản lượng dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |  |

Những vấn đề khác: ……………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày ……. tháng ……. năm………* **Xác nhận của UBND cấp xã** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm……* **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

*…………, ngày ……. tháng ……. năm ………***Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN …………….**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG**

(Từ ngày…..tháng...năm…. đến ngày....tháng …năm …..)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI HƠN 70%** | | | | | | | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI TỪ 30% - 70%** | | | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | | |
| **Lúathuần(ha)** | **Mạlúathuần(ha)** | **Lúalai(ha)** | **Mạ lúa lai (ha)** | **Ngô và rau màu (ha)** | **Câycôngnghiệp(ha)** | **Cây ăn quả lâu năm (ha)** | **Lúathuần(ha)** | **Mạ lúa thuần(ha)** | **Lúalai(ha)** | **Mạ lúa lai(ha)** | **Ngô và rau màu (ha)** | **Câycôngnghiệp(ha)** | **Câyănquảlâunăm(ha)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **THEO ĐỊA PHƯƠNG)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND………………** (Ký tên đóng dấu) |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

**Mẫu số 2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI HƠN 70%** | | | | **DIỆN TÍCH THIỆT HẠI TỪ 30% - 70%** | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | | | |
| **Diện tích cây rừng (ha)** | **Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)** | **Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)** | **Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)** | **Diện tích cây rừng (ha)** | **Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)** | **Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)** | | **Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| **(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)** | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  | | | | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND…………..** (Ký tên đóng dấu) | | | | | | |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương

**Mẫu số 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN …………………..**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ NUÔI THỦY SẢN  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày…..tháng…..năm…… đến ngày…..tháng…..năm……)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG** | | | | |
| **Tổng giá trị (thiệt hại (tr.đ)** | **Thiệt hại hơn 70%** | | | | | | | | | | | **Thiệt hại từ 30 - 70%** | | | | | | | | | | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)** |
| **Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá truyền thống cá bản địa (ha)** | **Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)** | **Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m3)** | **Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m3)** | **Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)** | **Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá truyền thống, cá bản địa (ha)** | **Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)** | **Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m3)** | **Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)** | **Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)** | **Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m3)** | **Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
|  | TỔNG SỐ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| THEO ĐỊA PHƯƠNG) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND………….** (Ký tên đóng dấu) | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

**Mẫu số 4**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ CHĂN NUÔI  
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm ……. đến ngày ….. tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | | | | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)** | **Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)** | **Lợn đến 28 ngày tuổi (con)** | **Lợn trên 28 ngày tuổi (con)** | **Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)** | **Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)** | **Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)** | **Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)** | **Hươu, cừu, dê (con)** | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)** | **Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐP quy ra tiền (tr.đ)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

**Mẫu số 5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN)  
HỖ TRỢ SẢN XUẤT MUỐI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **TỔNG HỢP THIỆT HẠI** | | | | **KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | |
| **Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)** | **Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)** | **Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)** | | **Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)** | **Trong đó** | | |
| **NSTW hỗ trợ (tr.đ)** | **NSĐP đảm bảo (tr.đ)** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 6 | 7 | 8 | |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  | |  |  |  | |
| 1 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
| 2 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
| 3 | ………………… |  |  |  | |  |  |  | |
|  | (CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG) |  |  |  | |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  | |
|  | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) | | | |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

**Mẫu số 6**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ……………**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ   
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH (ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (tỉnh, huyện, xã)** | **Tổng số tiền hỗ trợ** | **Trong đó:** | | | | | | |
| **Giống cây trồng** | **Lâm nghiệp** | **Giống thủy, hải sản** | **Giống vật nuôi** | **Sản xuất muối** | **Ghi chú** | |
| **Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)** | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | (CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | | | | | | | | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** (Ký tên đóng dấu) | | |

**Ghi chú:***UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

**Quy trình 05: THỦ TỤC BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ NGOÀI TỈNH**

**1.Trình tự thực hiện**

**1.1.**Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>

**Lưu ý:**Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

- **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

+ Sáng từ 7h – 11h30’.

+ Chiều từ 13h 30’- 17h00 (ngày lễ nghỉ).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, viết phiếu hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá một lần cho một vụ việc.

**1.2. Quy trình thực hiện:**

***1.2.1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi:***

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động: Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động (bằng nhiều hình thức qua hệ thống loa truyền thanh, họp dân, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt cộng đồng) để người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án.

b) Phối hợp với chủ dự án tổ chức họp các hộ dân trong thôn, bản thuộc vùng dự án, phương án để thực hiện các nội dung:

- Phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ;

- Hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia vào các dự án bố trí, ổn định dân cư và phương án bố trí dân cư xen ghép (sau đây gọi là dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư);

- Lập danh sách các hộ dân có đơn tham gia dự án, phương án.

c) Thành lập Hội đồng bình xét hộ tham gia dự án, phương án gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn (bản, buôn, ấp), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện chủ dự án để thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo danh sách các hộ có đơn tham gia dự án, phương án;

- Tiến hành bình xét và lập danh sách các hộ đáp ứng tiêu chí của dự án, phương án;

- Công khai danh sách hộ được bố trí, ổn định dân cư (niêm yết danh sách tại nơi trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt công cộng, qua hệ thống truyền thanh của địa phương) và giải quyết các kiến nghị. Sau 15 ngày kể từ khi công khai danh sách, hoàn thiện danh sách gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Gửi 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án qua đường bưu điện hoặc trực tiếp, hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Căn cứ vào Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi và Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

***1.2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến:***

Phối hợp với địa phương nơi dân đi, chủ đầu tư, đại diện các hộ bố trí, ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

a) Tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân;

b) Tổ chức triển khai thực hiện bố trí, ổn định các hộ dân đến khu tái định cư, xen ghép theo dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các hộ tổ chức phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nhà ở theo quy hoạch;

c) Khai hoang đất ở, đất sản xuất hoặc tổ chức chuyển nhượng đất đai để giao cho các hộ dân đến;

d) Lập biên bản nghiệm thu số hộ tham gia dự án, phương án (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

***1.2.3 Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi***

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ.

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

***1.2.4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi***

a) Chỉ đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành bố trí dân cư của tỉnh:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư; đồng thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản (kèm theo Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến tổ chức bàn giao, đưa các hộ đến vùng dự án, phương án.

***1.2.5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến***

a) Chỉ đạo các cấp chính quyền vùng dự án, phương án kiểm tra địa bàn nhận dân và lập biên bản (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi, đồng thời căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư hàng năm của tỉnh; tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

d) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

đ) Chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**2.Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/

**3.Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.Thời hạn giải quyết:** 85 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**5.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**6.Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

**7.Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định.

**8.Phí, Lệ phí:** Không.

**9.Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 2 Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015)

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có liên quan đến công tác bố trí, ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**11.Căn cứ pháp lý:**

- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1176/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

**PHỤ LỤC I**

**(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...............................................

Họ và tên chủ hộ:.............................. Dân tộc.............. .

Sinh ngày........... tháng....... năm.......

Nguyên quán:................................................................................................

Nơi ở hiện nay:..............................................................................................

Hộ khẩu thường trú:.......................................................................................

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư:…………………………………(\*)

Tên dự án, phương án:...............…………………………………………

Số người đi trong hộ có:................ khẩu................lao động.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số thứ tự | Họ và Tên | Năm sinh | | Quan hệ với chủ hộ | Trình độ Văn hoá | Nghề nghiệp | Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân |
| Nam | Nữ |
| 1 |  |  |  | Chủ hộ |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ (Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu) | ......, ngày..... tháng..... năm ...... CHỦ HỘ LÀM ĐƠN (Ký và ghi rõ họ tên) |

Ghi chú: (\*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng

**Quy trình 06: THỦ TỤC BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG HUYỆN**

**1. Trình tự thực hiện:**

**1.1.** Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

- **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

+ Sáng từ 7h – 11h30’.

+ Chiều từ 13h 30’- 17h00 (ngày lễ nghỉ).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, viết phiếu hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá một lần cho một vụ việc.

**1.2. Quy trình thực hiện**

***1.2.1 Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi***

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động: Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động (bằng nhiều hình thức qua hệ thống loa truyền thanh, họp dân, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt cộng đồng) để người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án.

b) Phối hợp với chủ dự án tổ chức họp các hộ dân trong thôn, bản thuộc vùng dự án, phương án để thực hiện các nội dung:

- Phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ;

- Hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia vào các dự án bố trí, ổn định dân cư và phương án bố trí dân cư xen ghép (sau đây gọi là dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư);

- Lập danh sách các hộ dân có đơn tham gia dự án, phương án.

c) Thành lập Hội đồng bình xét hộ tham gia dự án, phương án gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn (bản, buôn, ấp), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện chủ dự án để thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo danh sách các hộ có đơn tham gia dự án, phương án;

- Tiến hành bình xét và lập danh sách các hộ đáp ứng tiêu chí của dự án, phương án;

- Công khai danh sách hộ được bố trí, ổn định dân cư (niêm yết danh sách tại nơi trụ sởỦy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt công cộng, qua hệ thống truyền thanh của địa phương) và giải quyết các kiến nghị. Sau 15 ngày kể từ khi công khai danh sách, hoàn thiện danh sách gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Gửi 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án qua đường bưu điện hoặc trực tiếp, hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Căn cứ Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

***1.2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến***

Phối hợp với địa phương nơi dân đi, chủ đầu tư, đại diện các hộ bố trí, ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

a) Tổ chức thẩm tra địa bàn nhân dân;

b) Tổ chức triển khai thực hiện bố trí, ổn định các hộ dân đến khu tái định cư, xen ghép theo dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các hộ tổ chức phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nhà ở theo quy hoạch;

c) Khai hoang đất ở, đất sản xuất hoặc tổ chức chuyển nhượng đất đai để giao cho các hộ dân đến;

d) Lập biên bản nghiệm thu số hộ tham gia dự án, phương án (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

***1.2.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện***

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án; đồng thời gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan.

b) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ được phê duyệt bố trí, ổn định dân cư theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi và xã nơi đến tiến hành bàn giao số hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ dự án lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**2.Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>

**3.Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4.Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**5.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**6.Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

**7.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

**8.Phí, lệ phí:**Không.

**9.Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 2 Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có liên quan đến công tác bố trí, ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**11.Căn cứ pháp lý:**

- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1176/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng.

**PHỤ LỤC I**

**(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

**ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...............................................

Họ và tên chủ hộ:.............................. Dân tộc.............. .

Sinh ngày........... tháng....... năm.......

Nguyên quán:................................................................................................

Nơi ở hiện nay:..............................................................................................

Hộ khẩu thường trú:.......................................................................................

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư:…………………………………(\*)

Tên dự án, phương án:...............…………………………………………

Số người đi trong hộ có:................ khẩu................lao động.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số thứ tự | Họ và Tên | Năm sinh | | Quan hệ với chủ hộ | Trình độ Văn hoá | Nghề nghiệp | Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân |
| Nam | Nữ |
| 1 |  |  |  | Chủ hộ |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ (Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu) | ......, ngày..... tháng..... năm ...... CHỦ HỘ LÀM ĐƠN (Ký và ghi rõ họ tên) |

Ghi chú: (\*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng

**Quy trình 07: THỦ TỤC BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ NGOÀI HUYỆN, TRONG TỈNH**

**1.Trình tự thực hiện**

**1.1.**Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì liên hệ các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.

- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn/>

**Lưu ý:** Đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, cá nhân khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải gửi bộ hồ sơ gốc để so sánh, đối chiếu.

- **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

+ Sáng từ 7h – 11h30’.

+ Chiều từ 13h 30’- 17h00 (ngày lễ nghỉ).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, viết phiếu hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá một lần cho một vụ việc.

**1.2. Quy trình thực hiện:**

***1.2.1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi***

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động: Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động (bằng nhiều hình thức qua hệ thống loa truyền thanh, họp dân, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt cộng đồng) để người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án.

b) Phối hợp với chủ dự án tổ chức họp các hộ dân trong thôn, bản thuộc vùng dự án, phương án để thực hiện các nội dung:

- Phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ;

- Hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia vào các dự án bố trí, ổn định dân cư và phương án bố trí dân cư xen ghép (sau đây gọi là dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư);

- Lập danh sách các hộ dân có đơn tham gia dự án, phương án.

c) Thành lập Hội đồng bình xét hộ tham gia dự án, phương án gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn (bản, buôn, ấp), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện chủ dự án để thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo danh sách các hộ có đơn tham gia dự án, phương án;

- Tiến hành bình xét và lập danh sách các hộ đáp ứng tiêu chí của dự án, phương án;

- Công khai danh sách hộ được bố trí, ổn định dân cư (niêm yết danh sách tại nơi trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt công cộng, qua hệ thống truyền thanh của địa phương) và giải quyết các kiến nghị. Sau 15 ngày kể từ khi công khai danh sách, hoàn thiện danh sách gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Gửi 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án qua đường bưu điện hoặc trực tiếp, hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Căn cứ vào Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

***1.2.3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến:***

Phối hợp với địa phương nơi dân đi, chủ đầu tư, đại diện các hộ bố trí, ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

a) Tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân;

b) Tổ chức triển khai thực hiện bố trí, ổn định các hộ dân đến khu tái định cư, xen ghép theo dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các hộ tổ chức phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nhà ở theo quy hoạch;

c) Khai hoang đất ở, đất sản xuất hoặc tổ chức chuyển nhượng đất đai để giao cho các hộ dân đến;

d) Lập biên bản nghiệm thu số hộ tham gia dự án, phương án (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

***1.2.4. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi***

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư; đồng thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản (kèm theo Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến tổ chức bàn giao, đưa các hộ được bố trí ổn định đến vùng dự án, phương án.

***1.2.5.Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến***

a) Chỉ đạo các phòng, ban được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực bố trí dân cư của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận dân kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án và lập biên bản (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi, đồng thời căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án và gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

d) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015);

đ) Chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**2.Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã;

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại:

+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/

+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/

**3.Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4.Thời hạn giải quyết:** 75 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**5.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

**7.Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định.

**8.Phí, Lệ phí:** Không.

**9.Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 2 Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015).

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có liên quan đến công tác bố trí, ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**11.Căn cứ pháp lý:**

- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1176/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

**PHỤ LỤC I**

**(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...............................................

Họ và tên chủ hộ:.............................. Dân tộc.............. .

Sinh ngày........... tháng....... năm.......

Nguyên quán:................................................................................................

Nơi ở hiện nay:..............................................................................................

Hộ khẩu thường trú:.......................................................................................

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư:…………………………………(\*)

Tên dự án, phương án:...............…………………………………………

Số người đi trong hộ có:................ khẩu................lao động.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số thứ tự | Họ và Tên | Năm sinh | | Quan hệ với chủ hộ | Trình độ Văn hoá | Nghề nghiệp | Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân |
| Nam | Nữ |
| 1 |  |  |  | Chủ hộ |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ (Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu) | ......, ngày..... tháng..... năm ...... CHỦ HỘ LÀM ĐƠN (Ký và ghi rõ họ tên) |

Ghi chú: (\*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.